

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-38



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ Công TNHH Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên	
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên	
Ông Dương Quang Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2016
Ông Đặng Tuấn Đại	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Hưng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2016
Ông Phạm Công Thìn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2016

Các thành viên của Ban điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trương Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hồng Liễu	Thành viên
Bà Cao Thị Hoài Thu	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban điều hành



**Nguyễn Mạnh Hà**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2017



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được lập ngày 25 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2017*

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.771.901.209.296</b>	<b>1.209.757.585.406</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	85.175.085.583	98.467.847.773
111	1. Tiền		44.684.379.519	47.442.013.024
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.490.706.064	51.025.834.749
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.969.265.025	17.227.027.465
121	1. Chứng khoán kinh doanh		17.202.950.886	23.903.937.316
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(6.233.685.861)	(6.676.909.851)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		271.776.478.184	314.068.237.901
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	231.788.795.209	266.125.982.601
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	25.647.413.515	20.359.712.121
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	10.620.000.000	10.620.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	6.559.562.191	18.286.646.512
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.839.292.731)	(1.324.103.333)
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.393.933.544.679	765.445.675.002
141	1. Hàng tồn kho		1.414.547.457.418	860.931.279.342
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(20.613.912.739)	(95.485.604.340)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.046.835.825	14.548.797.265
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		704.161.403	941.399.313
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9.342.652.843	9.605.037.728
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	21.579	4.002.360.224
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>621.924.923.999</b>	<b>602.100.005.064</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.600.000	600.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		10.600.000	600.000
220	II. Tài sản cố định		327.164.715.799	339.999.924.109
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	205.030.467.684	216.832.702.074
222	- Nguyên giá		363.052.370.099	355.468.409.844
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(158.021.902.415)	(138.635.707.770)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	122.134.248.115	123.167.222.035
228	- Nguyên giá		130.115.306.720	130.115.306.720
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.981.058.605)	(6.948.084.685)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		89.515.555.921	84.687.093.916
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	89.515.555.921	84.687.093.916
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	192.719.868.209	164.473.677.883
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		192.719.868.209	164.473.677.883
260	VI. Tài sản dài hạn khác		12.514.184.070	12.938.709.156
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	12.514.184.070	12.938.709.156
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.393.826.133.295</b>	<b>1.811.857.590.470</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.083.987.954.593</b>	<b>971.390.423.088</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.083.832.154.593</b>	<b>970.623.302.190</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	103.765.251.200	111.265.855.973
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	15.985.001.879	5.264.160.077
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	38.016.018.602	1.053.789.928
314	4. Phải trả người lao động		6.693.770.636	4.255.904.288
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.187.782.860	2.034.664.663
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		72.000.000	108.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.585.591.103	2.957.600.524
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	909.660.303.087	837.550.747.791
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.866.435.226	6.132.578.946
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>155.800.000</b>	<b>767.120.898</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		155.800.000	180.570.306
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	586.550.592
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.309.838.178.702</b>	<b>840.467.167.382</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.309.838.178.702</b>	<b>840.467.167.382</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		846.455.640.000	846.455.640.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		846.455.640.000	846.455.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		21.743.395.153	21.743.395.153
415	3. Cổ phiếu quỹ		(8.993.360.790)	(8.993.360.790)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.546.932.622	51.546.932.622
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		373.898.475.504	(83.008.033.868)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(83.008.033.868)	86.339.584.695
421b	LNST chưa phân phối năm nay		456.906.509.372	(169.347.618.563)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		25.187.096.213	12.722.594.265
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.393.826.133.295</b>	<b>1.811.857.590.470</b>

*hd*  
Đỗ Thị Kim Dung  
Người lập

*hmic*  
Đào Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Mạnh Hà  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2017




CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai


Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2016

MA số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	4.044.573.550.973	3.591.328.168.182
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	2.144.922.083	1.059.965.530
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.042.428.628.890	3.590.268.202.652
11	4. Giá vốn hàng bán	25	3.381.389.716.213	3.606.782.979.919
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		661.038.912.677	(16.514.777.267)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	6.400.690.250	7.251.316.473
22	7. Chi phí tài chính	27	62.471.437.292	77.080.169.675
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		62.071.147.672	64.560.726.730
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		28.246.190.326	(8.326.322.117)
25	9. Chi phí bán hàng	28	49.168.707.825	37.889.139.819
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	39.207.783.567	44.360.804.999
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		544.837.864.569	(176.919.897.404)
31	12. Thu nhập khác	30	4.143.203.552	14.694.584.539
32	13. Chi phí khác	31	1.428.339.774	8.825.885.237
40	14. Lợi nhuận khác		2.714.863.778	5.868.699.302
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		547.552.728.347	(171.051.198.102)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	78.768.267.619	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(586.550.592)	2.008.226.819
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		469.371.011.320	(173.059.424.921)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		456.906.509.372	(169.347.618.563)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		12.464.501.948	(3.711.806.358)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33		(2.018)

  
Đỗ Thị Kim Dung  
Người lập

  
Đào Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Mạnh Hà  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		547.552.728.347	(171.051.198.102)
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		21.827.663.008	20.710.268.013
03	- Các khoản dự phòng		(73.799.726.193)	95.589.216.942
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(46.898.570)	103.841.894
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(31.616.827.201)	(3.619.285.006)
06	- Chi phí lãi vay		62.071.147.672	64.560.726.730
08	15. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		525.988.087.063	6.293.570.471
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		40.630.704.551	55.935.534.169
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(556.087.805.102)	107.639.820.722
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		4.021.907.689	16.586.474.685
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		661.762.996	559.623.792
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		6.700.986.430	(1.310.044.100)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(62.514.107.606)	(62.526.062.067)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(37.066.561.967)	(7.424.303.691)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	246.993.178
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(266.143.720)	(3.040.466.371)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(77.931.169.666)	112.961.140.788
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11.311.470.305)	(51.725.900.526)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		227.272.727	7.810.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.608.753.555	3.863.760.503
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.475.444.023)	(40.052.140.023)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(8.993.360.790)
33	2. Tiền thu từ đi vay		3.622.147.228.963	3.386.535.157.679
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(3.550.037.673.667)	(3.474.139.673.886)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(90.297.750.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		72.109.555.296	(186.895.627.497)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(13.297.058.393)	(113.986.626.732)



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		98.467.847.773	212.447.953.164
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.296.203	6.521.341
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>85.175.085.583</u>	<u>98.467.847.773</u>



*dd*  
Đỗ Thị Kim Dung  
Người lập

*lma*  
Đào Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hà  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2017





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm 2016*

### **I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiên Lên được chuyển đổi từ Công TNHH Tiên Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 846.455.640.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 846.455.640.000 đồng; tương đương 84.645.564 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Buôn bán vật liệu xây dựng, trong đó sản phẩm chủ yếu là các sản phẩm về sắt thép.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng, gỗ cây và gỗ chế biến (không chứa hàng tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: gia công cơ khí, (trừ xi mạ - không gia công tại trụ sở).

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm 2016, do tình hình kinh tế xã hội năm 2016 đã có dấu hiệu phục hồi, tình hình kinh tế thế giới có dấu hiệu chuyển biến tích cực và nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu cho các công trình đầu tư nhiều dẫn đến doanh thu bán tăng so với cùng kỳ năm trước đồng thời cũng dẫn đến biến động lớn về tỷ lệ lãi gộp cũng như kết quả kinh doanh của Công ty trong năm nay so với năm trước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	Thành phố Hồ Chí Minh	95,83%	95,83%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Thành phố Hồ Chí Minh	97,35%	97,35%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Một thành viên Thép Phúc Tiến	Thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

- Các công ty con do Công ty sở hữu gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Phúc Tiến Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	72,00%	72,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Tỉnh Đồng Nai	48,00%	48,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	Trích khấu hao theo thời hạn sử dụng đất
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn	Không trích khấu hao

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.17 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÈP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	267.558.962	248.923.271
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.416.820.557	47.193.089.753
Các khoản tương đương tiền (*)	40.490.706.064	51.025.834.749
	<u>85.175.085.583</u>	<u>98.467.847.773</u>

(\*) Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,6 %/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	17.202.950.886	(6.233.685.861)	23.903.937.316	(6.676.909.851)
<i>Công ty CP Kinh Đô</i>	3.493.732.750	(949.232.750)	3.493.732.750	(1.792.732.750)
<i>Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội</i>	-	-	2.553.825.000	(851.825.000)
<i>Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn</i>	2.728.887.200	(1.469.287.200)	2.063.090.000	-
<i>Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh địa ốc Tân Kỳ</i>	2.302.065.000	(502.190.000)	2.302.065.000	(1.051.530.000)
<i>Tổng Công ty CP Xuất nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam</i>	-	-	2.529.227.990	(288.847.190)
<i>Các cổ phiếu khác</i>	8.678.265.936	(3.312.975.911)	10.961.996.576	(2.691.974.911)
	<b>17.202.950.886</b>	<b>(6.233.685.861)</b>	<b>23.903.937.316</b>	<b>(6.676.909.851)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 48%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối năm là 172.800.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm lần lượt là 164.473.677.883 đồng và 192.719.868.209 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
Công ty CP Thép Bắc Nam	66.881.519.384	84.402.284.428
Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Thương Mại Đại Dững	4.575.474.729	2.455.806.160
Các khoản phải thu khách hàng khác	160.331.801.096	179.267.892.013
	<b>231.788.795.209</b>	<b>266.125.982.601</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>66.881.519.384</b>	<b>84.402.284.428</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.		

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các khoản trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa nhập khẩu	9.520.119.000	-	12.494.725.807	-
Trả trước cho người bán khác	16.127.294.515	-	7.864.986.314	-
	<b>25.647.413.515</b>	<b>-</b>	<b>20.359.712.121</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Hoàn Cầu	10.620.000.000	10.620.000.000
	<b>10.620.000.000</b>	<b>10.620.000.000</b>

(\*) Phải thu về cho vay đối với Công ty TNHH Hoàn Cầu không tính lãi suất.

**8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	66.080.807	-	512.085.870	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	4.932.335	-	1.058.020	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	666.060	-	42.040	-
Tạm ứng	5.748.955.900	-	6.871.564.978	-
Ký cược, ký quỹ	25.516.252	-	15.646.297	-
Các khoản chi hộ	-	-	2.148.781.798	-
Phải thu khác	713.410.837	-	8.737.467.509	-
	<b>6.559.562.191</b>	<b>-</b>	<b>18.286.646.512</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Tấn Thành CK	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Quỳnh Anh Minh	1.119.250.731	559.625.366	1.119.250.731	1.119.250.731
- Các khoản khác	1.800.824.014	521.156.648	4.000.824.014	2.676.720.681
	<b>3.920.074.745</b>	<b>1.080.782.014</b>	<b>6.120.074.745</b>	<b>4.795.971.412</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	853.087.051	-	4.642.592.708	-
Nguyên liệu, vật liệu	305.491.433.320	(3.983.183.672)	210.275.603.340	(21.777.126.098)
Công cụ, dụng cụ	334.427.453	-	228.334.700	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.727.917.922	-	1.807.757.922	-
Thành phẩm	45.150.469.076	(907.736.057)	42.216.036.165	(5.683.759.903)
Hàng hoá	1.060.990.122.596	(15.722.993.010)	601.760.954.507	(68.024.718.339)
	<b>1.414.547.457.418</b>	<b>(20.613.912.739)</b>	<b>860.931.279.342</b>	<b>(95.485.604.340)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**11 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>88.980.555.921</b>	<b>84.152.093.916</b>
- Xây dựng chi nhánh tại Long Thành	55.919.307.748	55.806.125.930
- Xây dựng nhà kho tại Đà Nẵng	23.277.486.947	18.902.227.417
- Công trình Đền Lừ (1)	4.766.423.430	4.766.423.430
- Giá trị quyền sử dụng đất lô 9D2 (2)	3.440.235.598	3.440.235.598
- Các công trình khác	1.577.102.198	1.237.081.541
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>535.000.000</b>	<b>535.000.000</b>
- Chi phí mua phần mềm máy tính	535.000.000	535.000.000
	<b><u>89.515.555.921</u></b>	<b><u>84.687.093.916</u></b>

(1) Công trình Đền Lừ là dự án xây dựng tòa nhà văn phòng 07 tầng phát sinh tại Công ty TNHH MTV thép Phúc Tiến từ năm 2013. Hiện nay Công ty đang có kế hoạch nâng tầng dự án nhưng chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(2) Giá trị quyền sử dụng đất lô 9D2 - Khu công nghiệp Tân Tạo phát sinh tại Công ty TNHH Thép Tây Nguyên. Hiện nay, Công ty TNHH Thép Tây Nguyên đang thực hiện các thủ tục pháp lý với đối tác và các bên có liên quan để hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Thép Tây Nguyên.





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	148.204.997.313	139.986.015.526	65.849.453.107	1.099.073.395	328.870.503	355.468.409.844
- Mua trong năm	70.680.000	372.598.041	3.920.625.616	-	-	4.363.903.657
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.503.000.000	144.935.385	-	-	-	4.647.935.385
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.427.878.787)	-	-	(1.427.878.787)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>152.778.677.313</b>	<b>140.503.548.952</b>	<b>68.342.199.936</b>	<b>1.099.073.395</b>	<b>328.870.503</b>	<b>363.052.370.099</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	41.572.754.891	58.561.064.342	37.559.652.229	649.115.813	293.120.495	138.635.707.770
- Khấu hao trong năm	5.952.736.186	9.098.345.301	5.591.886.077	138.721.528	12.999.996	20.794.689.088
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.408.494.443)	-	-	(1.408.494.443)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>47.525.491.077</b>	<b>67.659.409.643</b>	<b>41.743.043.863</b>	<b>787.837.341</b>	<b>306.120.491</b>	<b>158.021.902.415</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	106.632.242.422	81.424.951.184	28.289.800.878	449.957.582	35.750.008	216.832.702.074
Tại ngày cuối năm	105.253.186.236	72.844.139.309	26.599.156.073	311.236.054	22.750.012	205.030.467.684

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.366.213.837 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÈP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	130.031.806.720	83.500.000	130.115.306.720
Số dư cuối năm	<u>130.031.806.720</u>	<u>83.500.000</u>	<u>130.115.306.720</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	6.864.584.685	83.500.000	6.948.084.685
- Khấu hao trong năm	1.032.973.920	-	1.032.973.920
Số dư cuối năm	<u>7.897.558.605</u>	<u>83.500.000</u>	<u>7.981.058.605</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	123.167.222.035	-	123.167.222.035
Tại ngày cuối năm	<u>122.134.248.115</u>	<u>-</u>	<u>122.134.248.115</u>

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	145.760.337	552.986.640
Giá trị quyền thuê đất góp vốn thành lập công ty con Phúc Tiến Hải Phòng (*)	10.500.000.000	10.500.000.000
Chi phí mua bảo hiểm	20.279.281	15.859.901
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.848.144.452	1.869.862.615
	<u>12.514.184.070</u>	<u>12.938.709.156</u>

(\*) Đây là giá trị quyền thuê đất nhận góp vốn vào Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng. Tại thời điểm hiện tại, Các bên tham gia góp vốn chưa hoàn thành các thủ tục pháp lý có liên quan để chuyển quyền thuê đất cho Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng.





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Bright ruby resources Pte	12.229.201.085	12.229.201.085	10.659.922.358	10.659.922.358
Công ty TNHH Vy Hồng Loan	-	-	10.151.833.683	10.151.833.683
Công ty TNHH Metal one Vietnam	22.580.029.942	22.580.029.942	64.879.048.730	64.879.048.730
Công Ty CP Thép Bắc Nam	-	-	4.933.701.091	4.933.701.091
Công ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	57.632.153.775	57.632.153.775	-	-
Phải trả các đối tượng khác	11.323.866.398	11.323.866.398	20.641.350.111	20.641.350.111
	<b>103.765.251.200</b>	<b>103.765.251.200</b>	<b>111.265.855.973</b>	<b>111.265.855.973</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)</b>				
	<b>5.774.893.249</b>	<b>5.774.893.249</b>	<b>4.933.701.091</b>	<b>4.933.701.091</b>

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Xích KMC Việt Nam	2.481.710.430	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Anh Quý Quyền	699.897.000	-
Công ty TNHH thương mại Đức Hiền	8.892.009.653	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại thép Hùng Cường	870.531.164	-
Công ty Cổ phần cơ khí và lắp máy Đại Hân	-	2.312.090.628
Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Sao Đỏ	605.020.000	256.487.008
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	2.435.833.632	2.695.582.441
	<b>15.985.001.879</b>	<b>5.264.160.077</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	44.222.269	-	297.043.009.617	296.848.063.731	-	150.723.617
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	4.015.981	-	163.004.216	158.988.235	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.954.121.974	-	78.768.267.619	37.066.561.967	-	37.747.583.678
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.053.789.928	436.922.890	1.373.023.090	21.579	117.711.307
Các loại thuế khác	-	-	29.000.000	29.000.000	-	-
	<b>4.002.360.224</b>	<b>1.053.789.928</b>	<b>376.440.204.342</b>	<b>335.475.637.023</b>	<b>21.579</b>	<b>38.016.018.602</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.164.446.658	1.607.406.592
- Chi phí phải trả khác	23.336.202	427.258.071
	<b>1.187.782.860</b>	<b>2.034.664.663</b>

**19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	292.819.112	289.431.685
- Bảo hiểm xã hội	1.942.279	54.209.027
- Bảo hiểm y tế	1.023.460	1.395.445
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.032.500	8.032.500
- Phải trả Bà Phạm Thị Hồng	1.451.236.775	1.451.236.775
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	830.536.977	1.153.295.092
	<b>2.585.591.103</b>	<b>2.957.600.524</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

 G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	187.654.950.528	187.654.950.528	598.019.107.138	574.337.204.134	211.336.853.532	211.336.853.532
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	129.836.156.179	129.836.156.179	326.772.328.005	327.455.136.242	129.153.347.942	129.153.347.942
- Ngân hàng TMCP Quân đội	9.705.820.787	9.705.820.787	77.651.050.873	43.504.502.881	43.852.368.779	43.852.368.779
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Đồng Nai	17.957.000.000	17.957.000.000	210.475.840.040	219.651.840.040	8.781.000.000	8.781.000.000
- Ngân hàng HSBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	39.133.489.984	39.133.489.984	-	39.133.489.984	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	16.087.920.041	8.508.920.041	7.579.000.000	7.579.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	82.958.887.484	82.958.887.484	267.313.606.441	222.814.573.104	127.457.920.821	127.457.920.821
- Ngân hàng Indochina - Chi nhánh Tân Bình	11.974.000.000	11.974.000.000	-	11.974.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp	65.832.000.000	65.832.000.000	510.378.000.000	470.063.000.000	106.147.000.000	106.147.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	108.886.867.559	108.886.867.559	424.135.831.998	409.553.823.624	123.468.875.933	123.468.875.933
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Tân Bình	14.466.000.000	14.466.000.000	31.300.000.000	45.766.000.000	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Tân Bình	-	-	5.489.162.510	5.489.162.510	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tân Phú	37.244.000.000	37.244.000.000	201.156.000.000	238.400.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Yên	18.730.000.000	18.730.000.000	260.738.048.780	252.301.075.758	27.166.973.022	27.166.973.022
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội	47.811.945.970	47.811.945.970	302.159.070.957	287.784.258.492	62.186.758.435	62.186.758.435
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	26.017.767.626	26.017.767.626	74.046.216.550	79.226.913.295	20.837.070.881	20.837.070.881
- Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh Đồng Nai (ACB)	16.540.000.000	16.540.000.000	148.186.000.000	152.370.000.000	12.356.000.000	12.356.000.000
- Vay tổ chức và cá nhân khác	22.801.861.674	22.801.861.674	168.239.045.630	161.703.773.562	29.337.133.742	29.337.133.742
	<b>837.550.747.791</b>	<b>837.550.747.791</b>	<b>3.622.147.228.963</b>	<b>3.550.037.673.667</b>	<b>909.660.303.087</b>	<b>909.660.303.087</b>

**b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay ngắn hạn đối với các bên liên quan**

Vay ngắn hạn	Mối quan hệ	31/12/2016		01/01/2016	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
- Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	12.250.320.037	-	13.966.078.375	-
- Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc	16.026.813.705	-	4.813.406.342	-
		<b>28.277.133.742</b>	<b>-</b>	<b>18.779.484.717</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>806.856.880.000</b>	<b>21.743.395.153</b>	-	<b>51.546.932.622</b>	<b>206.624.032.695</b>	<b>17.631.943.750</b>	<b>1.104.403.184.220</b>
Tăng vốn trong năm trước	39.598.760.000	-	-	-	(39.598.760.000)	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(169.347.618.563)	(3.711.806.358)	(173.059.424.921)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(1.197.543.127)	(1.197.543.127)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(8.993.360.790)	-	-	-	(8.993.360.790)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(80.685.688.000)	-	(80.685.688.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>846.455.640.000</b>	<b>21.743.395.153</b>	<b>(8.993.360.790)</b>	<b>51.546.932.622</b>	<b>(83.008.033.868)</b>	<b>12.722.594.265</b>	<b>840.467.167.382</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>846.455.640.000</b>	<b>21.743.395.153</b>	<b>(8.993.360.790)</b>	<b>51.546.932.622</b>	<b>(83.008.033.868)</b>	<b>12.722.594.265</b>	<b>840.467.167.382</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	456.906.509.372	12.464.501.948	469.371.011.320
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>846.455.640.000</b>	<b>21.743.395.153</b>	<b>(8.993.360.790)</b>	<b>51.546.932.622</b>	<b>373.898.475.504</b>	<b>25.187.096.213</b>	<b>1.309.838.178.702</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Nguyễn Mạnh Hà	165.254.400.000	19,52%	156.789.400.000	18,52%
Bà Phạm Thị Hồng	95.898.420.000	11,33%	95.898.420.000	11,33%
Ông Nguyễn Văn Quang	79.792.900.000	9,43%	79.792.900.000	9,43%
Các cổ đông khác	496.516.559.210	58,66%	504.981.559.210	59,66%
Cổ phiếu quỹ	8.993.360.790	1,06%	8.993.360.790	1,06%
	<b>846.455.640.000</b>	<b>100%</b>	<b>846.455.640.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	846.455.640.000	846.455.640.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	846.455.640.000	806.856.880.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	39.598.760.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	846.455.640.000	846.455.640.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	120.284.448.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	120.284.448.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	84.645.564	84.645.564
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	84.645.564	84.645.564
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	84.645.564	84.645.564
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	1.460.000	1.460.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.460.000	1.460.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.185.564	83.185.564
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	83.185.564	83.185.564
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	51.546.932.622	51.546.932.622
	<b>51.546.932.622</b>	<b>51.546.932.622</b>

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	721.529,06	133.762,47
- Đồng Euro (EUR)	100,00	100,00

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	4.032.152.588.184	3.563.788.608.617
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.420.962.789	27.539.559.565
	<b>4.044.573.550.973</b>	<b>3.591.328.168.182</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)	<b>395.882.574.216</b>	<b>383.970.797.768</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	2.143.176.684	1.012.606.207
Giảm giá hàng bán	1.745.399	47.359.323
	<b><u>2.144.922.083</u></b>	<b><u>1.059.965.530</u></b>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	3.456.153.941.978	3.510.954.039.964
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	107.465.836	343.335.615
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(74.871.691.601)	95.485.604.340
	<b><u>3.381.389.716.213</u></b>	<b><u>3.606.782.979.919</u></b>

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.395.384.192	2.556.352.350
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	381.242.327	236.207.621
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	616.847.851	491.359.227
Cổ tức, lợi nhuận được chia	767.364.300	1.857.684.900
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.192.945.405	2.101.713.086
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	46.898.570	7.994.289
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.605	5.000
	<b><u>6.400.690.250</u></b>	<b><u>7.251.316.473</u></b>

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	62.071.147.672	64.560.726.730
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	97.777.484	-
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	130.092.081	178.430.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	491.746.420	7.833.314.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	111.836.183
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(443.223.990)	3.595.640.600
Chi phí tài chính khác	123.897.625	800.221.343
	<b><u>62.471.437.292</u></b>	<b><u>77.080.169.675</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.182.926.992	919.437.118
Chi phí nhân công	16.237.373.566	14.022.877.519
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.883.252.606	5.157.885.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.280.296.056	9.258.425.311
Chi phí khác bằng tiền	16.584.858.605	8.530.514.036
	<b>49.168.707.825</b>	<b>37.889.139.819</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.532.813.035	1.319.468.278
Chi phí nhân công	18.818.808.567	18.985.915.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.290.467.648	4.981.022.391
Thuế, phí, lệ phí	247.978.767	48.054.647
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	1.515.189.398	2.547.280.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.037.529.166	5.086.973.203
Chi phí khác bằng tiền	3.764.996.986	11.392.090.663
	<b>39.207.783.567</b>	<b>44.360.804.999</b>

**30 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	207.888.383	7.710.000.000
Thu nhập từ tiền bồi thường thực hiện hợp đồng	1.972.095.587	3.693.295.276
Thu nhập khác	1.963.219.582	3.291.289.263
	<b>4.143.203.552</b>	<b>14.694.584.539</b>

**31 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	166.970.835	322.672.204
Chi phí khác	1.261.368.939	8.503.213.033
	<b>1.428.339.774</b>	<b>8.825.885.237</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	78.768.267.619	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(3.954.121.974)	3.470.181.717
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(37.066.561.967)	(7.424.303.691)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>37.747.583.678</b>	<b>(3.954.121.974)</b>

**33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	456.906.509.372	(169.347.618.563)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	456.906.509.372	(169.347.618.563)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	83.185.564	83.912.962
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.493</b>	<b>(2.018)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	571.739.086.658	995.196.650.730
Chi phí nhân công	40.589.340.989	20.749.886.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.827.663.008	20.710.268.013
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.573.030.631	8.223.783.911
Chi phí khác bằng tiền	21.120.997.055	4.029.988.937
	<b>675.850.118.341</b>	<b>1.048.910.578.271</b>

**35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.175.085.583	-	98.467.847.773	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	238.358.957.400	(2.839.292.731)	284.413.229.113	(1.324.103.333)
Các khoản cho vay	10.620.000.000	-	10.620.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	17.202.950.886	(6.233.685.861)	23.903.937.316	(6.676.909.851)
	<b>351.356.993.869</b>	<b>(9.072.978.592)</b>	<b>417.405.014.202</b>	<b>(8.001.013.184)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			909.660.303.087	837.550.747.791
Phải trả người bán, phải trả khác			106.506.642.303	114.404.026.803
Chi phí phải trả			1.187.782.860	2.034.664.663
			<b>1.017.354.728.250</b>	<b>953.989.439.257</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.175.085.583	-	-	85.175.085.583
Phải thu khách hàng, phải thu khác	235.509.064.669	10.600.000	-	235.519.664.669
Các khoản cho vay	10.620.000.000	-	-	10.620.000.000
Đầu tư ngắn hạn	10.969.265.025	-	-	10.969.265.025
	<b>342.273.415.277</b>	<b>10.600.000</b>	<b>-</b>	<b>342.284.015.277</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.467.847.773	-	-	98.467.847.773
Phải thu khách hàng, phải thu khác	283.088.525.780	600.000	-	283.089.125.780
Các khoản cho vay	10.620.000.000	-	-	10.620.000.000
Đầu tư ngắn hạn	17.227.027.465	-	-	17.227.027.465
	<b>409.403.401.018</b>	<b>600.000</b>	<b>-</b>	<b>409.404.001.018</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	909.660.303.087	-	-	909.660.303.087
Phải trả người bán, phải trả khác	106.350.842.303	155.800.000	-	106.506.642.303
Chi phí phải trả	1.187.782.860	-	-	1.187.782.860
	<b>1.017.198.928.250</b>	<b>155.800.000</b>	<b>-</b>	<b>1.017.354.728.250</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	837.550.747.791	-	-	837.550.747.791
Phải trả người bán, phải trả khác	114.223.456.497	180.570.306	-	114.404.026.803
Chi phí phải trả	2.034.664.663	-	-	2.034.664.663
	<b>953.808.868.951</b>	<b>180.570.306</b>	<b>-</b>	<b>953.989.439.257</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2016/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty thông qua các nội dung về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền cho các cổ đông với tỷ lệ 10% vốn điều lệ. Thời gian thực hiện từ ngày 18/01/2017, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng nội dung của Nghị quyết Hội đồng quản trị nêu trên.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh các sản phẩm thép chiếm trên 90% tỷ trọng toàn bộ hoạt động của Công ty và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.



**38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu</b>		<b>395.882.574.216</b>	<b>383.970.797.768</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	395.882.574.216	383.970.797.768
<b>Mua hàng</b>		<b>361.017.035.413</b>	<b>346.797.222.167</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	361.017.035.413	346.797.222.167

Số dư tại ngày kết thúc năm:


	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>		<b>66.881.519.384</b>	<b>84.402.284.428</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	66.881.519.384	84.402.284.428
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		<b>6.687.724.226</b>	-
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	6.687.724.226	-
<b>Phải thu khác</b>		<b>23.912.060</b>	<b>6.506.403.320</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	23.912.060	6.506.403.320
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>5.774.893.249</b>	<b>4.933.701.091</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	5.774.893.249	4.933.701.091
<b>Phải trả khác</b>		<b>1.451.236.775</b>	<b>1.451.236.775</b>
Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc	1.451.236.775	1.451.236.775


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban điều hành và Hội đồng Quản trị	2.801.402.819	2.877.331.214

**39 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

  
 \_\_\_\_\_  
**Đỗ Thị Kim Dung**  
 Người lập

  
 \_\_\_\_\_  
**Đào Thị Kim Loan**  
 Kế toán trưởng

  
 \_\_\_\_\_  
**Nguyễn Mạnh Hà**  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2017